

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 84/2025/HS-PT
Ngày 21 - 5 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Thanh Gia

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hoài Xuân

Ông Ung Quang Định

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Trang là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kiều Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 47/2025/TLPT-HS ngày 31 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo Trần Quang T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2025/HS-ST ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

Bị cáo có kháng cáo:

Trần Quang T, sinh ngày 30 tháng 6 năm 1993 tại huyện H, tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Số A đường H, khu phố G, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Quang Q (chết) và bà: Nguyễn Thị C, sinh năm: 1970; vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1993 (đã ly hôn); con: Có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 27/5/2024, anh Trương Quang T1 tiến hành khai thác cây keo của anh T1 và chị Nguyễn Thị G (chị dâu anh T1) trồng tại thôn L, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định. Anh T1 thuê anh Võ Ngọc C1 vận chuyển gỗ keo cho anh T1 với giá cước 110.000 đồng/tấn. Anh C1 thuê Trần Quang T điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 77C-146.71 vận chuyển gỗ keo cho anh T1.

Từ ngày 27/5/2024 đến ngày 18/6/2024, T vận chuyển tất cả 13 chuyến xe chở gỗ keo cho anh T1, ngày nào khai thác thì vận chuyển ngày đó, với tần suất 01 chuyến/ngày. Keo giấy và keo bao bì được chở chung một chuyến xe, keo giấy xếp phía trên được bán trước cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn H, còn keo bao bì xếp phía dưới được bán cho anh C1. Tiền cước vận chuyển sau khi kết thúc toàn bộ việc khai thác mới thanh toán cho anh C1.

Ngày 05/6/2024, anh T1 không thấy T đưa phiếu cân gỗ keo giấy bán vào các ngày trước đó nên nhắc T. Sáng ngày 06/6/2024, T đến vận chuyển gỗ keo cho anh T1, T đưa cho anh T1 05 phiếu cân, một phiếu chi cùng 63.194.400 đồng tiền bán gỗ keo giấy cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn H từ ngày 27/5/2024 đến ngày 04/6/2024.

Từ ngày 05/6/2024 đến ngày 18/6/2024, T vận chuyển tất cả 08 chuyến và nhận tiền bán gỗ keo giấy cho anh T1 từ Công ty Trách nhiệm hữu hạn H 05 lần với tổng số tiền là 79.712.600 đồng, cụ thể:

- Ngày 06/6/2024, T nhận 12.824.900 đồng.
- Ngày 09/6/2024, T nhận 19.605.300 đồng.
- Ngày 13/6/2024, T nhận 20.552.400 đồng.
- Ngày 16/6/2024, T nhận 15.219.600 đồng.
- Ngày 18/6/2024, T nhận 11.510.400 đồng.

Do cần tiền trả nợ, tiêu xài nên T đã nảy sinh ý định lấy tiền bán gỗ keo giấy của anh T1. Khoảng ngày 10, 11 tháng 6/2024, anh T1 không thấy T giao phiếu cân và tiền bán gỗ keo giấy nên điện thoại yêu cầu T giao phiếu cân, tiền bán gỗ keo thì T nói dối là không mang theo nhưng thực tế là T lấy tiền của anh T1 tiêu xài. Ngày 19/6/2024, sau khi khai thác xong toàn bộ diện tích cây keo muốn bán, anh T1 yêu cầu T giao 08 phiếu cân và tiền bán gỗ keo giấy còn lại nhưng do không còn tiền để đưa cho anh T1 nên T nói dối là “Bạn đi xe ở P chưa về, để về chạy ngang quán chị T2 rồi đưa luôn” (chị T2 là chị ruột của anh T1 ở huyện H) và anh T1 đồng ý. Ngày 20/6/2024, T đến quán chị T2 giao 05 phiếu cân 08 chuyến nêu trên cho anh T1, còn tiền T nói đã lấy tiền làm công việc hết rồi, khi nào có tiền thì T trả.

Từ thời điểm này, anh T1 nhiều lần liên lạc với T đòi tiền và T hứa hẹn đến cuối tháng 6/2024 sẽ trả tiền cho anh T1 nhưng đến hạn T không trả tiền nên anh T1 tiếp tục liên lạc đòi tiền T và T trốn tránh không trả tiền cho anh T1. Ngày 10/7/2024, anh T1 đến Công an xã M trình báo sự việc.

Gia đình bị cáo Trần Quang T đã trả toàn bộ số tiền chiếm đoạt 79.712.600 đồng cho anh T1 và chị G. Bị hại đã có đơn bãi nại dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho T.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2025/HS-ST ngày 26/02/2025, Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ đã căn cứ điểm c khoản 2 Điều 175, các điểm b, s khoản 1

và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T 15 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 11/3/2025, bị cáo Trần Quang T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo; tại phiên tòa, bị cáo Trọng giữ nguyên yêu cầu kháng cáo trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Trần Quang T, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt, giảm cho bị cáo từ 03 đến 06 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với các chứng cứ khác nên có đủ cơ sở xác định:

Trần Quang T là tài xế lái xe ô tô tải chở gỗ keo thuê cho anh Trương Quang T1. Lợi dụng sự tin tưởng của anh T1 nên vào khoảng tháng 6/2024, sau khi nhận được tiền bán gỗ keo của anh T1 và chị Nguyễn Thị G (chị dâu của anh T1) từ Công ty Trách nhiệm hữu hạn H với tổng số tiền là 79.712.600 đồng, T đã không đưa lại số tiền trên cho anh T1 và chị G mà dùng để trả nợ và tiêu xài cá nhân. Khi anh T1 hỏi tiền bán gỗ keo thì T gian dối để không phải trả lại tiền cho anh T1. Đến khi bị phát hiện thì T hứa hẹn trả tiền nhưng không trả và sau đó bỏ trốn khỏi nơi cư trú để trốn tránh việc trả tiền cho anh T1, chị G.

Do đó, Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ đã xét xử bị cáo Trần Quang T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng” theo điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Bị cáo nhận thức rõ hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương nên cần xử lý nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Quang T, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo đã tự nguyện khắc phục toàn bộ hậu quả và bị hại đã có đơn bãi nại dân sự, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn (có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H), bị cáo phạm tội lần

đầu, có nhân thân tốt nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 15 tháng tù là có phần nghiêm khắc.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Quang T, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt, giảm cho bị cáo một phần hình phạt cũng đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

Ngoài ra, việc cho bị cáo được hưởng án treo không đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo.

[4] Theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo Trần Quang T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Trần Quang T, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt, giảm cho bị cáo từ 03 đến 06 tháng tù là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 175; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Trần Quang T. Sửa bản án sơ thẩm.

2. Xử phạt bị cáo Trần Quang T 09 (chín) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Quang T không phải chịu.

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT1.TANDTC (1);
- VKSND tỉnh Bình Định (1);
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Định (1);
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Bình Định (2);
- Cơ quan HSNV Công an tỉnh Bình Định (1);
- TAND huyện Phù Mỹ (3);
- VKSND huyện Phù Mỹ (1);
- Chi cục THADS huyện Phù Mỹ (1);
- Bị cáo (1);
- Lưu: Toà Hình sự, HCTP, hồ sơ vụ án (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Văn Thanh Gia